

Bản án số: 10/2023/HS-ST
Ngày: 10-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN V YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Ông Giáp H Tường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Toà án nhân dân Huyện Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện V Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện V Yên xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 219/2022/TLST- HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2022/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/HSST- QĐ ngày 30/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2022/HSST- QĐ ngày 21/12/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Triệu H, sinh năm 2002; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Xóm Đông Thắng, xã Bình Long, Huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Nguyễn Văn Quyết; Con bà: Triệu Thị Tân; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày 06/01/2023 bị bắt theo quyết định bắt, tạm giam của Tòa án nhân dân Huyện V Yên; Hiện đang giam tại nhà tạm giữ C an Huyện V Yên (có mặt).

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 2002; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn Núi, xã T Sơn, Huyện V Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông: Nguyễn Văn Chính; Con bà: Vũ Thị Khoa; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Nguyễn Văn B, sinh năm 2001; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn Rôn, xã Thanh Luận, Huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Nguyễn Văn Trì; Con bà: Trần Thị M; Gia

đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ tám; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ 14/9/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam C an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

4. Hà Văn V, sinh năm 2001; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn Hương Mãn, xã Xuân Hương, Hện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: C nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Hà Văn Sướng; Con bà: Bàn Thị KHên; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt)

5. Trần Văn T, sinh năm 2003; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Bản Diễn, xã Tam Tiến, Hện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Trần Văn Thịnh; Con bà: Trần Thị Trường; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ 14/9/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam C an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

*** Bị hại:**

- Anh Đỗ Văn Đ, sinh ngày 18/5/2005 (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm Hòa Khê 2, xã Văn Hán, Hện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện của bị hại: Ông Đỗ Văn P, sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm Hòa Khê 2, xã Văn Hán, Hện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Linh Thị V, sinh năm 1977 (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm Hòa Khê 2, xã Văn Hán, Hện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Dương Thị Ánh N, sinh ngày 14/8/2006 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Hoàng Mai 2, xã Tân Khánh, Hện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật của chị N:

Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1986 (có mặt)

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn Hoàng Mai 2, xã Tân Khánh, Hện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Bà Trần Thị M, sinh năm 1961 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Rỏn, xã Thanh Luận, Hện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

*** Người làm chứng:**

- Anh Tạ Văn Trường, sinh năm 2005 (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm Hòa Khê 2, xã Văn Hán, Hện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Anh Hà Văn H, sinh năm 2005 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm Hòa Khê 2, xã Văn Hán, Hện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Anh Lô Văn C, sinh năm 2005 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm Hòa Khê 2, xã Văn Hán, Hện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Anh Hoàng Đình T, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm Hòa Khê 2, xã Văn Hán, Hện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hoàng Mai 3, thị trấn Nénh, Hện V Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong H sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Dương Thị Ánh N, sinh ngày 14/8/2006 và anh Đỗ Văn Đ, sinh ngày 18/5/2005 quen biết, yêu nhau từ trước và cùng làm C nhân tại Khu C nghiệp Đình Trám, Hện V Yên. Tháng 02/2022, N và anh Đ xảy ra mâu thuẫn tình cảm và thường xuyên nhả tin cãi, chửi nhau.

Khoảng 15 giờ ngày 14/3/2022, tại C ty trách nhiệm hữu hạn Etech ở Khu C nghiệp Đình Trám, Hện V Yên, N gặp Nguyễn Văn H, sinh năm 2002, Trần Văn T, sinh năm 2003 là bạn làm cùng C ty, nhờ cả hai đi cùng N đến nhà trọ của anh Đ ở tổ dân phố Hoàng Mai 3, thị trấn Nénh, Hện V Yên, tỉnh Bắc Giang để N nói cHện giải quyết mâu thuẫn với anh Đ, nếu không nói cHện được thì đánh anh Đ giúp N, cả H, T đều đồng ý. Ngày 15/3/2022, N hẹn anh Đ vào tối cùng ngày gặp nhau tại khu nhà trọ của anh Đ để nói cHện giải quyết mâu thuẫn. Khoảng 19 giờ ngày 15/3/2022, N tiếp tục gọi điện qua ứng dụng Messger cho H và qua ứng dụng Zalo cho Nguyễn Triệu H, sinh năm 2002 là người làm cùng C ty với N nhờ đi cùng đến gặp anh Đ nói cHện giải quyết mâu thuẫn, nếu không nói cHện được thì đánh anh Đ hộ N. Sau đó, H rủ Hà Văn V, sinh năm 2002 tham gia cùng. Gọi điện xong, N một mình đi trước đến đoạn Đ cạnh cổng khu nhà trọ của anh Đ gặp anh Đ nói cHện giải quyết mâu thuẫn. H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius không nhớ biển số, mượn của bạn ngoài xã hội không biết họ tên, địa chỉ chở V đến khu nhà trọ của anh Đ. Thấy N và anh Đ đang nói cHện, V xuống xe đứng cạnh chỗ N và anh Đ còn H tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đón Nguyễn Văn B, sinh năm 2001 đến tham gia đánh anh Đ hộ N khi cả hai không giải quyết được mâu thuẫn. Cùng lúc này, sau khi nghe điện thoại của N, H nói lại việc chị N nhờ cho T biết, rồi cả hai cùng nhau đi xe mô tô cùng hai người bạn ngoài xã hội chỉ biết tên là Nam và Đ quê ở tỉnh Lạng Sơn đến chỗ chị N và anh Đ đang nói cHện. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, B thấy chị N và anh Đ không hòa giải được mâu thuẫn, anh Đ đang chửi chị N, nên B lao vào đứng đối diện cách anh Đ khoảng 70 cm, dùng tay phải đấm khoảng 02 cái liên tiếp vào mặt anh Đ; V cũng lao vào đứng phía sau cách anh Đ khoảng 80 cm, dùng chân phải đá trúng vào sườn trái anh Đ. Bị đánh, anh Đ ngồi xồm xuống Đ, hai tay che mặt, thì H lao vào đứng đối diện cách anh Đ khoảng 80 cm, dùng chân phải đá một cái trúng vào mặt anh Đ, làm anh Đ ngã xuống ao bèo ở rìa Đ. Lúc này, H và T đi đến nơi, thấy anh Đ đang được các anh Tạ Văn Trường, sinh năm 2005, anh Hà Văn H, sinh năm 2005, anh Lê Văn C, sinh năm 2005 cùng trú tại xóm Hòa Khê 2, xã Văn Hán, Hện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên là bạn ở

trợ cùng anh Đ kéo từ ao nước lên trên rìa Đ. Anh Đ ngồi xổm trên rìa Đ, hai tay ôm đầu, thì H lao vào đứng đối diện cách anh Đ khoảng 25cm, dùng hai tay đâm liên tiếp khoảng 3 cái và dùng chân phải đá khoảng 02 cái vào vùng mặt của anh Đ; đồng thời H tiếp tục lao vào đứng đối diện cách anh Đ khoảng 70 cm, dùng chân đạp 02 cái liên tiếp vào mặt anh Đ làm anh Đ ngã xuống ao bèo. Trong lúc H đang đánh anh Đ thì T tự lấy 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 30 cm, đầu dao nhọn, phần cán dao được hàn vào 01 đoạn ống kim loại dài khoảng 70 cm ở xe mô tô của người tên Nam, cầm ở tay trái giơ lên cao chạy về phía anh Đ để chém anh Đ tiếp, nhưng chạy đến cách anh Đ khoảng 03 mét thì N ôm lại, can ngăn nên T không chém được anh Đ. Sau đó, có một số người dân tiếp tục ra can ngăn nên nhóm của N bỏ đi, còn anh Đ được mọi người kéo từ ao bèo lên rìa Đ rồi đưa đi điều trị thương tích tại Bệnh viện đa khoa T ương tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 17/3/2022, anh Đ cùng bố đẻ là anh Đỗ Văn P, sinh năm 1983, có đơn trình báo đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra- C an Hện V Yên khởi tố vụ án, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng đánh anh Đ.

Ngày 17/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra- C an Hện V Yên thu giữ tại Camera an ninh của gia đình bà Đoàn Thị N, sinh năm 1969, trú tại tổ dân phố Hoàng Mai 3, thị trấn Nénh, Hện V Yên, tỉnh Bắc Giang ở cạnh khu vực xảy ra việc các đối tượng gây thương tích hình ảnh video ghi lại một phần diễn biến các đối tượng đến đánh anh Đ vào ngày 15/3/2022.

Ngày 22/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra- C an Hện V Yên trích xuất hình ảnh trong dữ liệu Video thu giữ tại Camera của gia đình bà N cho các bị cáo xem để xác định đối tượng tham gia đánh gây thương tích cho anh Đ. Kết quả, các bị cáo xác định trong dữ liệu Video thu giữ, có hình ảnh của Nguyễn Văn H, Nguyễn Triệu H, Nguyễn Văn B, Trần Văn T có mặt tại hiện trường khi đánh anh Đ ngày 15/3/2022.

Tại Bệnh án ngoại khoa và Giấy chứng nhận thương tích số 86/CNT ngày 04/4/2022 của Bệnh viện T ương Thái Nguyên, xác định anh Đỗ Văn Đ vào viện điều trị thương tích ngày 15/3/2022 đến ngày 22/3/2022 thì ra viện với thương tích: Vùng mắt trái sưng nề. Vết thương vùng dưới mắt bên trái, kích thước sấp xỉ (0,2 x 0,5)cm. Vết thương mi trên mắt trái, kích thước khoảng 0,5cm. Nhiều vết sây sát da, bầm tím vùng trán, vùng mắt trái, gò má trái và vùng mũi. Chẩn đoán: Chấn động não, vết thương mi trên mắt trái.

Ngày 14/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra- C an Hện V Yên trưng cầu T tâm pháp y- Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang giám định thương tích của anh Đỗ Văn Đ. Vật, cơ chế, chiều hướng gây thương tích.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 601/22/TgT ngày 12/5/2022 của T tâm Pháp y- Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận thương tích của anh Đỗ Văn Đ: Thương tích vết nề tím mắt trái: 1%. Thương tích vết sẹo nông mi trên mắt trái: 3%. Thương tích vết sẹo dưới mắt trái: 3%. Thương tích chàm thương vùng trán không còn dấu vết: 0%. Thương tích chàm thương vùng mũi không còn dấu vết: 0%. Thương tích chàm thương gò má trái không còn dấu vết: 0%. Thương tích chấn động não + Điện não đồ: Hoạt động dạng chấn động

não: 6%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12%. Không xác định được vật, cơ chế, chiều hướng gây thương tích.

Đối với Dương Thị Ánh N, khi thực hiện hành vi gây thương tích cho anh Đ, N chưa đủ 16 tuổi nên không cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra- C an Hện V Yên đã lập H sơ đề nghị Ủy ban nhân dân xã Tân Khánh, Hện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với Dương Thị Ánh N.

Tại Bản cáo trạng số 220/CT-VKS ngày 04/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Hện V Yên truy tố các bị cáo Nguyễn Triệu H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Hà Văn V, Trần Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự (trong đó bị cáo T thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, các bị cáo H, H, B, V thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự).

* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Triệu H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Hà Văn V, Trần Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Triệu H từ 02 năm 9 tháng tù đến 03 năm tù về tội “ Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 06/01/2023.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 02 năm 6 tháng tù đến 02 năm 9 tháng tù về tội “ Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 02 năm 6 tháng tù đến 02 năm 9 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 14/9/2022.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Hà Văn V từ 02 năm 3 tháng tù đến 02 năm 6 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 02 năm 6 tháng tù đến 02 năm 9 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 14/9/2022.

[1] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 288, Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587; Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

- Buộc anh Dương Văn Đ và chị Nguyễn Thị T (là bố mẹ của chị Dương Thị Ánh N) phải bồi thường cho anh Đ, bà V số tiền 5.852.698 đồng.

- Xác nhận các bị cáo đã bồi thường cho anh Đ, bà V: Bị cáo Nguyễn Văn B đã bồi thường số tiền 15.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn H đã bồi thường số tiền 6.000.000 đồng; bị cáo Hà Văn V đã bồi thường số tiền 5.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Triệu H, bị cáo Trần Văn T mỗi bị cáo phải hoàn trả bị cáo Nguyễn Văn B số tiền 5.000.000 đồng.

- Bị cáo Hà Văn V được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Hện V Yên.

Về vật chứng, án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Triệu H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Hà Văn V, Trần Văn T thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên. Các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, các bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại anh Đ và người liên quan bà V, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

* Tại phiên tòa bị hại anh Đ, bà V trình bày: anh Đ, bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu các bị cáo bồi thường, anh Đ yêu cầu bồi thường số tiền 18.500.000 đồng và bà V yêu cầu bồi thường số tiền 13.325.698 đồng. Anh Đ, bà V xác nhận có bị cáo V đã bồi thường 5.000.000 đồng, bị cáo H bồi thường 6.000.000 đồng, bị cáo B bồi thường 15.000.000 đồng. Anh Đ, bà V không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh, bà khoản tiền nào nữa. Về hình phạt: Anh Đ, bà V đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí bồi thường và thỏa thuận các bị cáo mức bồi thường như nhau. Bị cáo H không nhận lại tiền thừa từ các bị cáo khác nếu có, bị cáo B yêu cầu các bị cáo khác phải trả cho bị cáo số tiền mà bị cáo đã bồi thường cho anh Đ, bà V. Chị N nhất trí cùng các bị cáo bồi thường cho anh Đ, bà V.

* Tại phiên tòa bà M là mẹ của bị cáo B trình bày: Bị cáo B đã tác động bà bồi thường số tiền 15.000.000 đồng cho anh Đ, bà V. Bà không yêu cầu bị cáo B phải hoàn trả bà số tiền trên, ngoài ra bà không có yêu cầu đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong H sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C an Hện V Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Hện V Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của chị N là chị T; một số người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử

vắng mặt những người trên là phù hợp với quy định tại Điều 292; Điều 293; Điều 305 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 15/3/2022, tại rìa Đ ở tổ dân phố Hoàng Mai 3, thị trấn Nénh, Hện V Yên, tỉnh Bắc Giang, mặc dù không có mâu thuẫn với anh Đỗ Văn Đ, sinh ngày 18/5/2005 nhưng sau khi được chị Dương Thị Ánh N, sinh ngày 14/8/2006 nhờ đánh anh Đ, các bị cáo Nguyễn Văn B, Hà Văn V, Nguyễn Triệu H, Nguyễn Văn H, Trần Văn T đã cùng nhau tham gia đánh anh Đ. Trong đó, Nguyễn Văn B, Hà Văn V, Nguyễn Triệu H, Nguyễn Văn H cùng nhau dùng chân, tay không nắm, đá nhiều cái vào vùng đầu, mặt, người anh Đ, còn T tự cầm dao bằng kim loại, đầu dao nhọn lao vào chém anh Đ thì được N và người dân can ngăn lại nên không chém được anh Đ. Hậu quả, anh Đ bị chấn thương vùng trán, mắt, mũi, má, chấn động não với tổng tỷ lệ thương tích cơ thể là 12%.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, thực hiện hành vi thể hiện sự hung hãn côn đồ, thương tích mà các bị cáo gây ra cho anh Đ là 12%, bị cáo T sử dụng dao bằng kim loại là hung khí nguy hiểm. Với hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự (trong đó bị cáo T thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, các bị cáo H, H, B, V thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Hện V Yên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về vai trò trong vụ án của các bị cáo thì thấy:

Trong vụ án này trước khi thực hiện hành vi các bị cáo không bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể nên vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn; xuất phát từ chị N là người có mâu thuẫn với anh Đ là người bị hại trong vụ án, trong vụ án này chị N có vai trò chính nhưng do chị N khi thực hiện hành vi gây thương tích cho anh Đ chưa đủ 16 tuổi nên không cấu thành tội phạm.

Tiếp đến là vai trò của bị cáo Nguyễn Triệu H, khi được chị N nhờ đánh anh Đ, H đồng ý và sau đó H rủ T Hà Văn V và đi đón Nguyễn Văn B để tham gia giúp N đánh anh Đ, H là người tích cực nhất trong vụ án, H dùng chân phải đá một cái trúng vào mặt anh Đ làm anh Đ ngã xuống. Sau đó H tiếp tục lao vào đứng đối diện cách anh Đ khoảng 70cm, dùng chân đạp 02 cái liên tiếp vào mặt anh Đ làm anh Đ ngã xuống ao bèo.

Tiếp đến là vai trò của bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T, Nguyễn Văn B, Hà Văn V khi được chị N nhờ đánh anh Đ cả T và H đồng ý và đi cùng chị N đến phòng anh Đ, khi được H rủ đi đánh anh Đ thì B, V đồng ý. H lao vào đứng đối diện cách anh Đ khoảng 25cm, dùng hai tay nắm liên tiếp khoảng 3 cái và dùng chân phải đá khoảng 2 cái vào vùng mặt của anh Đ. T tự lấy 01 con dao

bằng kim loại dài khoảng 30cm, đầu dao nhọn, phần cán dao được hàn vào 01 đoạn ống kim loại dài khoảng 70cm ở xe mô tô người tên Nam, cầm ở tay trái giờ lên cao chạy về phía anh Đ để chém anh Đ tiếp N chạy đến cách anh Đ khoảng 3m thì N ôm lại, cản ngăn nên T không chém được anh Đ. B khi thấy chị N và anh Đ không giải quyết được mâu thuẫn, B lao vào đứng đối diện cách anh Đ khoảng 70cm, dùng tay phải nắm khoảng 02 cái liên tiếp vào mặt anh Đ. V lao vào đứng phía sau cách anh Đ khoảng 80cm, dùng chân phải đá trúng 01 cái vào sườn trái anh Đ.

Như vậy, trong vụ án này bị cáo H có vai trò chính, sau đó đến bị cáo H, T, B cuối cùng là bị cáo V nên cần phải xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân của chị N trong tình cảm với bị hại là anh Đ, các bị cáo đã đánh và gây thương tích cho anh Đ, bị cáo T đã dùng hung khí nguy hiểm là dao bằng kim loại để cố ý gây thương tích anh Đ, hành vi của các bị cáo là sự coi thường các quy tắc của cuộc sống xã hội và gây mất trật tự tại địa P. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền B vệ sức khỏe của C dân được pháp luật B vệ. Vì vậy, vụ án cần phải được xử lý nghiêm trọng xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo V đã tự nguyện nộp số tiền tại Chi cục thi hành án để bồi thường khắc phục hậu quả cho anh Đ số tiền 5.000.000 đồng và trực tiếp bồi thường cho anh Đ 5.000.000 đồng, bị cáo B tác động gia đình mẹ đẻ là bà M bồi thường cho anh Đ số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo H đã bồi thường cho anh Đ số tiền 6.000.000 đồng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo V tham gia bộ đội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử thấy cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo H, V trong giai đoạn chuẩn bị xét xử được bị hại anh Đ có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng tại phiên tòa bị hại anh Đ không xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo H, V nên các bị cáo không được hưởng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Các bị cáo Nguyễn Triệu H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Hà Văn V, Trần Văn T đều có nhân thân tốt.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Từ những phân tích trên, đánh giá về vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo và nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo với xã hội trong một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người C dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Đỗ Văn Đ yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập và tiền tổn thất về tinh thần, tổng cộng 18.500.000 đồng. Bà Linh Thị V là mẹ đẻ anh Đ, yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại khi chăm sóc anh Đ bị thương với tổng số tiền 13.325.698 đồng. Anh Đ, bà V không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh, bà khoản tiền nào nữa. Anh Đ, bà V đã xác nhận có bị cáo V đã bồi thường 5.000.000 đồng, bị cáo H bồi thường 6.000.000 đồng, bị cáo B bồi thường 15.000.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại và chia đều nhau, chị N nhất trí cùng các bị cáo bồi thường cho anh Đ và bà V. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là các chi phí hợp lý của anh Đ và bà V, tại phiên tòa các bị cáo và chị N nhất trí bồi thường nên cần buộc bị cáo T, H và chị N phải bồi thường tương ứng với số tiền chưa bồi thường cho anh Đ, bà V. Mỗi bị cáo H, T, H, B, V phải bồi thường số tiền là 5.000.000 đồng và chị N (do anh Đ, chị T là bố mẹ đại diện, do chị N không có tài sản riêng) phải bồi thường cho anh Đ, bà V số tiền là 5.852.698 đồng. Xác nhận bị cáo B đã bồi thường 15.000.000 đồng, bị cáo H bồi thường 6.000.000 đồng, bị cáo V bồi thường 5.000.000 đồng, hoàn trả bị cáo V số tiền 5.000.000 đã nộp tại thi hành án. Bị cáo H, bị cáo T mỗi bị cáo phải hoàn trả bị cáo B số tiền 5.000.000 đồng.

[9] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với xe mô tô các đối tượng sử dụng làm P tiện đi đến hiện trường vụ gây thương tích, thì xe mô tô H sử dụng là xe mượn của người không quen biết, H đi cùng xe của đối tượng tên Nam; T đi cùng xe của đối tượng tên Đ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- Đối với con dao bị cáo T cầm lao vào chém anh Đ, T khai đã trả lại đối tượng Nam khi bỏ đi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- C an Hện V Yên không thu giữ được.

[10] Các vấn đề khác:

- Đối với Dương Thị Ánh N, khi thực hiện hành vi gây thương tích cho anh Đ, N chưa đủ 16 tuổi nên không cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra- C an Hện V Yên đã lập H sơ đề nghị Ủy ban nhân dân xã Tân Khánh, Hện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với Dương Thị Ánh N.

- Đối với đối tượng tên Nam và Đ khi đi cùng Tùng, T đến hiện trường đánh anh Đ, các đối tượng khai không nói cho biết việc đi đánh nhau đồng thời cả hai không tham giúp sức cho việc đánh bị hại; bị hại và các đối tượng khai không biết Nam, Đ ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ điều tra xác minh.

[10] Về án phí:

Các bị cáo H, B, T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo H, T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và quy định tại khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Các bị cáo V, H thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền kháng cáo theo Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Triệu H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 06/01/2023.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm 01 (một) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 02 (hai) năm 01 (một) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 14/9/2022.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Hà Văn V 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 14/9/2022.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 288, Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587; Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

- Buộc anh Dương Văn Đ và chị Nguyễn Thị T (là bố mẹ của chị Dương Thị Ánh N) phải bồi thường cho anh Đ, bà V số tiền 5.852.698 đồng.

- Xác nhận các bị cáo đã bồi thường cho anh Đ, bà V: Bị cáo Nguyễn Văn B đã bồi thường số tiền 15.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn H đã bồi thường số tiền 6.000.000 đồng; bị cáo Hà Văn V đã bồi thường số tiền 5.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Triệu H, bị cáo Trần Văn T mỗi bị cáo phải hoàn trả bị cáo Nguyễn Văn B số tiền 5.000.000 đồng.

- Bị cáo Hà Văn V được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001836 ngày 11/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Hện V Yên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Buộc các bị cáo H, B, T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo H, T, chị N mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo H, V được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Hện V Yên;
- C an Hện V Yên;
- Chi cục THADS Hện V Yên;
- Các bị cáo;
- Bị hại; NĐDHP NLQ vắng mặt;
- Lưu H sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

